

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 07/2023/DS-ST

Ngày: 18-5-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông, ông Hồ Quang Hiễn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hương, là Thư ký TAND huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Hồng Hoa, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2022/TLST-DS, ngày 09/11/2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-DS, ngày 09/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2023/QĐST-DS, ngày 04/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C.

Địa chỉ: Số 442 Kh, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến Ph, chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo quyền: Bà Vũ Thị Anh Đ, chức vụ Giám đốc phòng quản lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đào Ngọc M - Cán bộ Ngân hàng TMCP C – Có mặt.

Địa chỉ: Số 152 – 145 – 156 J, phường L, TP Buôn Th, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Trần H, chị Nguyễn Thị M – Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn R, xã Th, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền lại của Nguyên đơn – ông Đào Ngọc M trình bày:

Ngân hàng TMCP C ký với anh Trần Hậu và chị Nguyễn Thị M các Hợp đồng cấp tín dụng số:

- Hợp đồng cấp tín dụng (HĐCTD) số DAL.CN.1421.231219 ngày 03/01/2019 và Khế ước nhận nợ số DAL.CN.1421.231219 ngày 03/01/2020 với nội dung: Ngân hàng TMCP C cho ông Trần H và chị Nguyễn Thị M vay số tiền 200.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, bổ sung vốn kinh doanh nông sản lưu động; Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 04/01/2020 đến ngày 03/01/2021; Lãi suất cho vay: 10,50%/năm, lãi suất cho vay được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kế tiếp bên được cấp tín dụng nhận tiền vay, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn và lãi phạt chậm trả là 10%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay anh Trần H và chị Nguyễn Thị M đã thế chấp tài sản là gồm:

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 93, địa chỉ: thôn R, xã Th, huyện K, tỉnh Đắk Nông, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CI 139523, số vào sổ cấp CH03650 do UBND huyện Krông Nô cấp ngày 03/10/2017; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 91, địa chỉ: Thôn R, xã Th, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CI 139542, số vào sổ cấp GCN: CH 03651 do UBND huyện Krông Nô cấp ngày 03/10/2017; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 9, tờ bản đồ số 93, địa chỉ: Thôn R, xã Tân Thành, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CI 139522, số vào sổ cấp GCN: CH 03649 do UBND huyện Krông Nô cấp ngày 03/10/2017.

Các tài sản này được thế chấp tại ACB theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DAL. BĐCN.136.261217 đã ký ngày 27/12/2017, số công chứng 8448, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng công chứng Nguyễn Văn Nhất công chứng ngày 27/12/2017, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Krông Nô. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh H, chị M đã thanh toán được 03 kỳ tiền lãi, còn nợ 01 kỳ tiền lãi chưa thanh toán.

Do anh H, chị M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh của Hợp đồng đã ký với Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ gốc chưa thanh toán của anh H, chị M sang nợ quá hạn tính từ ngày 04/01/2021. Trong quá trình giải quyết Ngân hàng đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần để anh H, chị M trả nợ nhưng anh chị vẫn cố tình vi phạm, không thực hiện theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký kết và các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu anh H, chị M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 285.688.376 đồng (tính đến ngày 18/5/2023), cụ thể: Số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn 5.235.616 đồng và tiền nợ lãi quá hạn là 73.940.548 đồng, tiền phạt chậm thanh toán lãi là 6.512.212 đồng.

Bị đơn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi, phí phát sinh cho đến khi thanh toán nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng (HĐCTD) số DAL.CN.1421.231219 ngày 03/01/2019 và Khế ước nhận nợ số DAL.CN.1421.231219 ngày 03/01/2020. Trường hợp Bị đơn không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán nợ thì Nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có

thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà hai bên đã ký kết để thu hồi nợ.

Trường hợp việc phát mãi tài sản bảo đảm không đảm bảo được nghĩa vụ thanh toán nợ thì Bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho đến khi hết nợ. Bị đơn phải chịu án phí và các chi phí phát sinh liên quan theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần H, chị Nguyễn Thị M không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Tại phiên tòa, anh H, chị M vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn, vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng các khoản nợ gồm: Số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng; toán số tiền nợ lãi trong hạn 5.235.616 đồng và tiền nợ lãi quá hạn là 73.940.548 đồng, tiền phạt chậm thanh toán lãi là 1.240.769 đồng, không chấp nhận số tiền phạt chậm trả lãi là 5.271.443 đồng.

Về các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng TMCP C khởi kiện anh Trần H, chị Nguyễn Thị M phải thanh toán số tiền nợ gốc, các khoản tiền lãi theo các Hợp đồng cấp tín dụng số DAL.CN.1421.231219 ngày 03/01/2019 và Khế ước nhận nợ số DAL.CN.1421.231219 ngày 03/01/2020. Vì vậy đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Anh H, chị M có nơi cư trú tại thôn R, xã Th, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh H, chị M không đến Tòa án làm việc, không có văn bản hay có ý kiến gì trước yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về chủ thể, nội dung hợp đồng: Căn cứ vào Hợp đồng cấp tín dụng (HĐCTD) số với nội dung: Ngân hàng TMCP C cho anh Trần H, chị Nguyễn Thị M vay số tiền 200.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, bổ sung vốn kinh doanh nông sản lưu động; Thời hạn vay: 12 tháng, từ

ngày 04/01/2020 đến ngày 03/01/2021; Lãi suất cho vay: 10,50%/năm, lãi suất cho vay được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kế tiếp bên được cấp tín dụng nhận tiền vay, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn và lãi phạt chậm trả là 10%/năm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng cấp tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân TMCP C và bên vay là anh H, chị M. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay... đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016.

[2.2]. Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc: Theo Hợp đồng cấp tín dụng (HĐCTD) số DAL.CN.1421.231219 ngày 03/01/2019 và Khế ước nhận nợ số DAL.CN.1421.231219 ngày 03/01/2020, Ngân hàng TMCP C cho anh H, chị M vay số tiền 200.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng, thời gian trả nợ gốc là ngày 04/01/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Trần H, chị Nguyễn Thị M chưa thanh toán nợ gốc và 01 kỳ tiền lãi. Do vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng đã ký. Vì vậy, Ngân hàng TMCP C khởi kiện yêu cầu Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu tính tiền lãi trong hạn:

Tại Khế ước nhận nợ số DAL.CN.1421.231219 ngày 03/01/2020 thể hiện thời điểm Ngân hàng giải ngân cho Bị đơn thì lãi suất là 10,50%/năm. Lãi suất này sẽ được Ngân hàng chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Bị đơn chưa đã thanh toán tiền lãi trong hạn cho Ngân hàng. Tính đến ngày 01/3/2021 số tiền lãi trong hạn theo hợp đồng cấp tín dụng (HĐCTD) số DAL.CN.1421.231219 ngày 03/01/2019 và Khế ước nhận nợ số DAL.CN.1421.231219 ngày 03/01/2020 là 5.235.616 đồng.

[2.4]. Đối với yêu cầu tính tiền lãi quá hạn:

Tại khoản 4.2 Điều 4; Điều 5 của Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số DAL.CN. 347.261217 thể hiện trường hợp bên được cấp tín dụng không trả nợ đúng hạn dư nợ gốc các khoản cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP C sẽ được áp dụng lãi suất quá hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn và thời gian chậm trả với lãi suất quá hạn được tính bằng 150% nhân với lãi suất trong hạn tương ứng của khoản cấp tín dụng, trong đó lãi suất quá hạn được điều chỉnh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng tại thời điểm tính lãi suất quá hạn.

Theo Hợp đồng cấp tín dụng (HĐCTD) số DAL.CN.1421.231219 ngày 03/01/2019 và Khế ước nhận nợ số DAL.CN.1421.231219 ngày 03/01/2019 thì Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc 200.000.000 đồng vào ngày 03/01/2021. Do anh H, chị M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh của Hợp đồng đã ký với Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc chưa thanh toán của anh H, chị M sang nợ quá hạn từ ngày 04/01/2021. Tính đến ngày 18/5/2023 số

tiền lãi quá hạn theo hợp đồng cấp tín dụng (HĐCTD) số DAL.CN.1421.231219 ngày 03/01/2019 và Khế ước nhận nợ số DAL.CN.1421.231219 ngày 03/01/2019 là 73.940.584 đồng.

[2.5]. Đối với yêu cầu tính tiền phạt chậm thanh toán lãi:

Tại khoản 4.9.1 Điều 4 của Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số DAL.CN. 347.261217 thể hiện: Khi bên được cấp tín dụng không thanh toán lãi đúng hạn thì bên được cấp tín dụng phải chịu phạt chậm trả lãi tính bằng số tiền chậm trả lãi nhân với lãi suất phạt nhân với số ngày chậm trả chia cho 365 ngày. Số ngày chậm trả lãi được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả lãi cho đến hết ngày bên được cấp tín dụng trả hết phần lãi bị thanh toán trễ hạn. Lãi suất phạt chậm trả được quy định cụ thể trong Hợp đồng cấp tín dụng.

Theo Hợp đồng cấp tín dụng (HĐCTD) số DAL.CN.1421.231219 ngày 03/01/2019 và Khế ước nhận nợ số DAL.CN.1421.231219 ngày 03/01/2020 thì Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc 200.000.000 đồng vào ngày 03/01/2021. Do anh H, chị M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ lãi phát sinh của Hợp đồng đã ký với Ngân hàng. Do đó anh H, chị M phải chịu khoản tiền phạt chậm trả lãi theo Hợp đồng tín dụng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán số tiền phạt chậm trả lãi là 6.512.212 đồng. Theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 13 của thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 quy định:

...

b). Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Số tiền lãi trong hạn mà anh H, chị M chưa thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 18/5/2023 là 5.235.616 đồng, do đó anh chị phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền trên tính từ ngày 03/01/2021 đến ngày 18/5/2023 là 865 ngày tương ứng với số tiền 1.240.769 đồng. Việc ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc anh H, chị M phải thanh toán tiền lãi phạt chậm trả đối với số tiền lãi quá hạn là trái với quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP, ngày 11/01/2019 và điểm b, khoản 4 Điều 13 của thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016. Do đó không chấp yêu cầu của Ngân hàng đối với tiền lãi phạt chậm trả là 5.271.433 đồng.

[3]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DAL. BĐCN.136.261217 đã ký ngày 27/12/2017, số công chứng 8448, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng công chứng Nguyễn Văn Nhất công chứng ngày 27/12/2017, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Krông Nô, thể hiện bị đơn đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 93, địa chỉ: thôn R, xã Th, huyện K, tỉnh Đắk Nông, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CI 139523, số vào sổ cấp CH03650 do UBND huyện Krông Nô cấp ngày 03/10/2017; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 91, địa chỉ: Thôn R, xã Th, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CI 139542,

số vào sổ cấp GCN: CH 03651 do UBND huyện Krông Nô cấp ngày 03/10/2017; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 9, tờ bản đồ số 93, địa chỉ: Thôn R, xã Th, huyện K, tỉnh Đắk Nông, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CI 139522, số vào sổ cấp GCN: CH 03649 do UBND huyện Krông Nô cấp ngày 03/10/2017.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/02/2023, thể hiện quyền sử dụng đất mà Bị đơn thể chấp cho Nguyên đơn đúng với hiện trạng thực tế, hiện nay quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất thửa đất số số 3, tờ bản đồ số 93, địa chỉ: thôn R, xã Th, huyện K, tỉnh Đắk Nông, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CI 139523, số vào sổ cấp CH03650 do UBND huyện Krông Nô cấp ngày 03/10/2017; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 91, địa chỉ: Thôn R, xã Th, huyện K, tỉnh Đắk Nông, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CI 139542, số vào sổ cấp GCN: CH 03651 do UBND huyện Krông Nô cấp ngày 03/10/2017; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 9, tờ bản đồ số 93, địa chỉ: Thôn R, xã Th, huyện K, tỉnh Đắk Nông, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CI 139522, số vào sổ cấp GCN: CH 03649 do UBND huyện Krông Nô cấp ngày 03/10/2017. Do anh H, chị M đang quản lý, sử dụng.

Xét thấy việc Bị đơn thể chấp quyền sử dụng đất nói trên để đảm bảo cho khoản tiền vay thực hiện theo hợp đồng cấp tín dụng số DAL.CN.1421.231219 ngày 03/01/2019 và Khế ước nhận nợ số DAL.CN.1421.231219 ngày 03/01/2020. Vì vậy, trường hợp Bị đơn không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, các khoản tiền lãi thì Nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Trường hợp toàn bộ số tài sản thế chấp sau khi xử lý phát mãi mà không đủ để trả nợ thì Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền nợ còn thiếu cho Nguyên đơn. Nếu tài sản thế chấp thừa thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Bị đơn đối với Nguyên đơn thì Nguyên đơn phải trả lại số tiền thừa cho Bị đơn.

Nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CI 139523, số vào sổ cấp CH03650 do UBND huyện Krông Nô cấp ngày 03/10/2017; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CI 139542, số vào sổ cấp GCN: CH 03651 do UBND huyện Krông Nô cấp ngày 03/10/2017 và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CI 139522, số vào sổ cấp GCN: CH 03649 do UBND huyện Krông Nô cấp ngày 03/10/2017 khi Bị đơn thanh toán xong các khoản nợ cho Nguyên đơn.

[4]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô về giải quyết nội dung vụ án là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[5]. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy Bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*). Do Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) vì vậy Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*).

[6]. Về án phí: Căn cứ tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Trần H, chị Nguyễn Thị M và Ngân hàng TMCP C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 235; Điều 147; Điều 155; Điều 227; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 91, 95 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016; Điều 410, Điều 418, Điều 429, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C.

1. Buộc anh Trần H, chị Nguyễn Thị M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP C tổng số tiền 280.416.933 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 5.235.616 đồng; tiền lãi quá hạn 73.940.548 đồng, tiền lãi phạt chậm trả là 1.240.769 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi phạt chậm trả là 5.271.433 đồng.

2. Kể từ ngày 19/5/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cấp tín dụng (HĐCTD) số DAL.CN.1421.231219 ngày 03/01/2019 và Khế ước nhận nợ số DAL.CN.1421.231219 ngày 03/01/2019.

3. Nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Giấy số CI 139523, sổ vào sổ cấp CH03650 do UBND huyện Krông Nô cấp ngày 03/10/2017; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CI 139542, sổ vào sổ cấp GCN: CH 03651 do UBND huyện Krông Nô cấp ngày 03/10/2017 và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CI 139522, sổ vào sổ cấp GCN: CH 03649 do UBND huyện Krông Nô cấp ngày 03/10/2017 khi Bị đơn thanh toán xong các khoản nợ cho Nguyên đơn.

4. Trường hợp Bị đơn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, Nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DAL. BĐCN.136.261217 đã ký ngày 27/12/2017, số công chứng 8448, quyển số 09 TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng công chứng Nguyễn Văn Nhất công chứng ngày 27/12/2017, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Krông Nô, thể hiện bị đơn đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 93, địa chỉ: thôn R, xã Th, huyện K, tỉnh Đắk Nông, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CI 139523, sổ vào sổ cấp CH03650 do UBND huyện Krông Nô cấp ngày 03/10/2017; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 67, tờ bản

đồ số 91, địa chỉ: Thôn R, xã Th, huyện K, tỉnh Đắk Nông, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CI 139542, số vào sổ cấp GCN: CH 03651 do UBND huyện Krông Nô cấp ngày 03/10/2017; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 9, tờ bản đồ số 93, địa chỉ: Thôn R, xã Th, huyện K, tỉnh Đắk Nông, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CI 139522, số vào sổ cấp GCN: CH 03649 do UBND huyện Krông Nô cấp ngày 03/10/2017.

Trường hợp toàn bộ số tài sản thế chấp sau khi xử lý phát mãi mà không đủ để trả nợ thì Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền nợ còn thiếu cho Nguyên đơn. Nếu tài sản thế chấp thừa thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Bị đơn đối với Nguyên đơn thì Nguyên đơn phải trả lại số tiền thừa cho Bị đơn.

5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Do Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) vì vậy Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà Bị đơn không thanh toán hết số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

6. Về án phí: Buộc anh Trần H, chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.020.846 đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Ngân hàng TMCP C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp. Hoàn trả Ngân hàng TMCP C số tiền 5.735.000 đồng (Năm triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP C (người nộp tiền Đinh Ngọc H) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0003425, ngày 08/11/2022.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nội nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- CC THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tòa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Tím